

Số: /BC-THPTES

Ea Súp, ngày 16 tháng 11 năm 2025

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2025

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cơ sở giáo dục: Trường THPT Ea Súp

2. Địa chỉ:

- Số 09, Chu Văn An, xã Ea Súp, tỉnh Đắk Lắk.

- Điện thoại: 02623688075.

- Email: thpt.easup@daklak.edu.vn

- Website: <https://c3easup.daklak.edu.vn/>

3. Loại hình: Đơn vị sự nghiệp công lập.

4. Sứ mệnh, tầm nhìn, mục tiêu của cơ sở giáo dục

- Sứ mệnh: Xây dựng nhà trường đạt chất lượng cao, môi trường giáo dục lành mạnh, thân thiện, giúp học sinh làm chủ kiến thức phổ thông; biết vận dụng hiệu quả kiến thức vào đời sống và tự học suốt đời.

Học sinh được định hướng lựa chọn nghề nghiệp phù hợp với năng lực; có khát vọng vươn lên và có đóng góp tích cực vào sự phát triển của địa phương, đất nước.

- Tầm nhìn: Trường THPT Ea Súp thuộc top đầu về đổi mới, sáng tạo, chất lượng giáo dục. Xây dựng trường tiếp cận với xu hướng giáo dục hiện đại để đáp ứng xu thế hội nhập quốc tế.

- Mục tiêu: Phân đấu, đạt các tiêu chí trường đạt chuẩn Quốc gia mức độ I ở giai đoạn 2025-2027; Duy trì công tác kiểm định chất lượng giáo dục và phân đấu đạt trường chuẩn quốc gia mức 2. Xây dựng nhà trường tiên tiến có mô hình giáo dục ngày càng hiện đại phù hợp với xu thế hội nhập quốc tế, phát triển nhanh và bền vững.

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của cơ sở giáo dục

- Trường được thành lập ngày 09/8/1986 theo Quyết định số 880/QĐ-UB của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk có tên gọi Trường Phổ thông trung học Ea Súp;

- Đến ngày 12/9/2002 trường đổi tên thành trường Trung học phổ thông Ea Súp theo quyết định số 2470/QĐ-UB của UBND tỉnh Đắk Lắk.

6. Thông tin người đại diện pháp luật hoặc người phát ngôn hoặc người đại diện để liên hệ

- Họ và tên: Lê Quang Trường.

- Chức vụ: Hiệu trưởng.

- Địa chỉ nơi làm việc: Số 09, Chu Văn An, xã Ea Súp, tỉnh Đắk Lắk.

- Điện thoại: 02623688075

- Email: cas@thpteasup.edu.vn

7. Tổ chức bộ máy

a) Quyết định thành lập

Quyết định số 880/QĐ-UB ngày 9/8/1986 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk về việc thành lập Trường Phổ thông trung học Ea Súp; Quyết định số 2470/QĐ-UBND ngày 12/9/2002 của UBND tỉnh Đắk Lắk đổi tên Trường PTTH Ea Súp thành trường Trung học phổ thông Ea Súp.

b) Quyết định công nhận hội đồng trường, chủ tịch hội đồng trường và danh sách thành viên hội đồng trường:

Quyết định số 864/QĐ-SGDĐT ngày 17/11/2023 của Giám đốc Sở GD&ĐT Đắk Lắk Về việc thành lập và công nhận các thành viên của Hội đồng trường Trường Trung học phổ thông Ea Súp, nhiệm kỳ 2023-2028; Quyết định số 882/QĐ-SGDĐT ngày 24/11/2023 Giám đốc Sở GD&ĐT Đắk Lắk về việc công nhận Chủ tịch Hội đồng trường Trường Trung học phổ thông Ea Súp, nhiệm kỳ 2023-2028.

d) Quyết định điều động, bổ nhiệm, công nhận hiệu trưởng, phó hiệu trưởng

TT	Họ và tên	Chức vụ	Trích yếu
1	Lê Quang Trường	Hiệu trưởng	Quyết định số 315/QĐ-SGDĐT ngày 25/7/2025 của Giám đốc Sở GD&ĐT Đắk Lắk về việc bổ nhiệm viên chức quản lý.
2	Huỳnh Trung Hiếu	Phó Hiệu trưởng	Quyết định số 317/QĐ-SGDĐT ngày 25/7/2025 của Giám đốc Sở GD&ĐT Đắk Lắk về việc bổ nhiệm viên chức quản lý.
3	Nguyễn Văn Úy	Phó Hiệu trưởng	Quyết định số 787/QĐ-SGDĐT ngày 9/10/2025 của Giám đốc Sở GD&ĐT Đắk Lắk về việc bổ nhiệm lại cán bộ quản lý.

e) Quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ sở giáo dục

- Quy chế tổ chức và hoạt động: Trường THPT Ea Súp được tổ chức và hoạt động theo Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học ban hành kèm theo Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn:

+ Xây dựng chiến lược, kế hoạch phát triển nhà trường gắn với điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương; xác định tầm nhìn, sứ mệnh, các giá trị cốt lõi về giáo dục, văn hóa, lịch sử và truyền thống của nhà trường.

+ Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường theo chương trình giáo dục phổ thông do Bộ GD&ĐT ban hành. Phối hợp với gia đình học sinh, tổ chức và cá nhân trong các hoạt động giáo dục.

+ Tuyển sinh, tiếp nhận và quản lý học sinh theo quy định của Bộ GD&ĐT.

+ Tổ chức cho giáo viên, nhân viên, học sinh tham gia các hoạt động xã hội.

+ Quản lý cán bộ, giáo viên, nhân viên theo quy định của pháp luật.

+ Huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực cho hoạt động giáo dục theo quy định của pháp luật.

+ Quản lý, sử dụng và bảo quản cơ sở vật chất, trang thiết bị theo quy định của

pháp luật.

+ Thực hiện các hoạt động về bảo đảm chất lượng giáo dục, đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục theo quy định của Bộ GDĐT.

+ Thực hiện công khai về cam kết chất lượng giáo dục, các điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục và thu, chi tài chính theo quy định của pháp luật.

+ Thực hiện dân chủ, trách nhiệm giải trình của cơ sở giáo dục trong quản lý các hoạt động giáo dục; bảo đảm việc tham gia của học sinh, gia đình và xã hội trong quản lý các hoạt động giáo dục theo quy định của pháp luật.

+ Thực hiện các nhiệm vụ và quyền khác theo quy định của pháp luật.

g) Họ và tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, địa chỉ nơi làm việc, nhiệm vụ, trách nhiệm của lãnh đạo cơ sở giáo dục

TT	Họ và tên	Chức vụ	Điện thoại	Email	Nhiệm vụ chính
1	Lê Quang Trường	Hiệu trưởng	0975089953	truongearok@gmail.com	Quản lý chung
2	Huỳnh Trung Hiếu	Phó Hiệu trưởng	0913839843	huynhtrunghieus@gmail.com	Phụ trách công tác chuyên môn.
3	Nguyễn Văn Uý	Phó Hiệu trưởng	0357397850	vanuyrungxanh@gmail.com	Phụ trách CSVCS, công tác nề nếp, đoàn thể.

8. Các văn bản khác của cơ sở giáo dục

- Chiến lược phát triển của cơ sở giáo dục: Theo Kế hoạch 09/KH-THPTES ban hành ngày 09 tháng 10 năm 2021 về chiến lược phát triển trường THPT Ea Súp giai đoạn 2021-2025 tầm nhìn đến năm 2030.

- Quy chế dân chủ ở cơ sở của cơ sở giáo dục: Thực hiện theo Quy chế thực hiện dân chủ trong hoạt động của nhà trường Giai đoạn từ năm học 2020-2021 đến năm học 2025-2026 ban hành kèm theo Quyết định số 75/QĐ-THPTES ngày 03/10/2020; Quyết định số 29/QĐ-THPTES ngày 09/10/2022;

- Quy định về quản lý hành chính, nhân sự, tài chính: Quy chế khen thưởng theo ND 73 năm học 2025-2026 số 22/QĐ-THPTES Ngày ban hành 25/10/2025; Quy chế quản lý và sử dụng tài sản công của Trường THPT Ea Súp năm học 2025- 2026 ban hành kèm theo Quyết định số 23/QĐ-THPTES ngày 25 tháng 10 năm 2025 của Hiệu trưởng trường THPT Ea Súp;

- Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2026 (Ban hành kèm theo Quyết định số 21/QĐ-THPTES ngày 25/10/2025 của Trường THPT Ea súp).

Quyết định Ban hành Quy chế làm việc trường THPT Ea Súp số 29/ QĐ-THPTES ngày 25 tháng 10 năm 2025

Quy tắc ứng xử của cán bộ quản lý giáo viên nhân viên và học sinh trong nhà trường ban hành kèm theo Quyết định số 77/QĐ-THPTES ngày 03 tháng 10 năm 2020; Quy chế Thi đua - Khen thưởng tập thể, cá nhân viên chức, người lao động Trường THPT Ea Súp ban hành kèm theo Quyết định số 06 ngày 30/9/2025.

II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

1. Thống kê số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên theo nhóm vị trí việc làm, trình độ đào tạo và chuẩn nghề nghiệp

T T	Vị trí việc làm		Số lượng	Trình độ đào tạo						Chuẩn nghề nghiệp		
				T. sĩ	Th. sĩ	ĐH	CĐ	TC	LĐ PT	Tốt	Khá	Đạt
1	Lãnh đạo, quản lý	Hiệu trưởng	01		01					01		
2		Phó Hiệu trưởng	02		02					02		
3		Giáo viên THPT hạng III	54		4	50						
4		Thiết bị thí nghiệm	01			01						
5	Chức danh nghề chuyên môn dùng chung	Thư viên viên hạng IV	01					01				
6		Kế toán viên trung cấp	01			01						
7		Văn thư viên trung cấp	01			01						
8	Chức danh nghề hỗ trợ, phục vụ	Y tế học đường	01					01				
9		Nhân viên bảo vệ	01						01			
Tổng			63		7	53		2	1			

2. Thống kê số lượng, tỉ lệ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành bồi dưỡng hằng năm theo quy định

STT	Đối tượng	Số lượn g	Hoàn thành bồi dưỡng TX		Chưa hoàn thành BDTX	
			Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %
1	Hiệu trưởng	01	01	100%	0	0%
2	Phó Hiệu trưởng	02	02	100%	0	0%
3	Giáo viên	54	54	100%	0	0%
4	Nhân viên	6	6	100%	0	0%

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

1. Diện tích, điểm trường

Stt	Nội dung	Số lượng	Bình quân	Yêu cầu tối thiểu	So với yêu cầu tối thiểu
1	Diện tích	17.534	14 m ² /hs	10 m ² /hs	Đạt
2	Số điểm trường	0	0	0	0

2. Số lượng, hạng mục phòng hành chính, quản trị; Khối phòng học tập; khối phòng hỗ trợ học tập; khối phụ trợ; khu sân chơi, thể dục thể thao; khối phục vụ sinh hoạt; hạ tầng kỹ thuật:

TT	Nội dung	Số lượng	Bình quân	Yêu cầu tối thiểu	So với yêu cầu tối thiểu
I	Khối phòng hành chính, quản trị				
1	Phòng Hiệu trưởng	01	-	Đầy đủ thiết bị, máy móc văn phòng	Đạt
2	Phòng Phó Hiệu trưởng	02	-	Đầy đủ thiết bị, máy móc văn phòng	Đạt
3	Văn phòng	01	-	Đầy đủ thiết bị, máy móc văn phòng	Đạt
4	Phòng bảo vệ	01	-	Đặt ở lối vào của trường, có vị trí quan sát thuận lợi	Đạt
5	Khu vệ sinh cán bộ, giáo viên, nhân viên	02		Nam/Nữ riêng; Vị trí thuận tiện; không làm ảnh hưởng môi trường	Đạt
6	Khu để xe cán bộ, giáo viên, nhân viên	01	-	Có mái che, đủ chỗ	Đạt
II	Khối phòng học tập				
1	Phòng học được trang bị đầy đủ bàn ghế, bảng lớp, hệ thống đèn, hệ thống quạt	32	1,1 phòng/lớp	0,6 phòng/lớp, 1,5m ² /HS	Mức độ 1
2	Phòng học bộ môn Âm nhạc	-	-	01 phòng, 2,45m ² /HS	Chưa đạt
3	Phòng học bộ môn Mỹ thuật	-	-	01 phòng, 2,45m ² /HS	Chưa đạt
4	Phòng học bộ môn Công nghệ	-	-	01 phòng, 2,5m ² /HS	Chưa đạt
5	Phòng học bộ môn Tin học	02	-	01 phòng, HS	Mức độ 1
6	Phòng học bộ môn Ngoại ngữ	01	-	01 phòng, 2 m ² HS	Mức độ 1
7	Phòng đa chức năng	01	-	01 phòng, 2 m ² HS	Chưa đạt
8	Phòng bộ môn Vật lý	01	-	01 phòng, 2 m ² HS	Mức độ 1
9	Phòng bộ môn Hóa học	01	-	01 phòng, 2 m ² HS	Mức độ 1
10	Phòng bộ môn Sinh học	01	-	01 phòng, 2 m ² /HS	Mức độ 1
11	Phòng học bộ môn KHXH	-	-	01 phòng, 1,5m ² /HS	Chưa đạt

III	Khối phòng hỗ trợ học tập				
1	Thư viện có các khu chức năng: kho sách, khu quản lý, khu đọc sách riêng cho giáo viên, học sinh	83m ²		60m ² , 0,6m ² /HS	Mức độ 1
2	Phòng thiết bị giáo dục trang bị đầy đủ giá, tủ	100m ² (chung)	-	03 phòng, 100m ²	Mức độ 1
3	Phòng Tư vấn học đường	48m ² (chung)	-	01 phòng, 48m ²	Mức độ 1
4	Phòng Truyền thống	0	-	0	Chưa đạt
5	Phòng Đoàn Thanh niên	49m ²	0,03m ² /HS	01 phòng, 0,02m ² /HS	Tối thiểu
IV	Khối phụ trợ				
1	Phòng họp toàn thể cán bộ , giáo viên và nhân viên trang bị đầy đủ thiết bị	130m ²	2 m ² /người	01 phòng, 1,2m ² /người	Mức độ 2
2	Phòng các tổ chuyên môn trang bị đầy đủ thiết bị	122.5m ²	-	08 phòng, 17m ²	Mức độ 1
3	Phòng Y tế trường học, có tủ thuốc với các loại thuốc thiết yếu, dụng cụ sơ cứu, giường bệnh.	17m ²	-	01 phòng, 24m ²	Mức độ 1
4	Nhà kho để dụng cụ chung và học phẩm	0 m ²	-	0	Chưa đạt
5	Khu để xe học sinh: có mái che	1000m ²	1,2m ² /HS	01, 2,5m ² /HS	Mức độ 1
6	Khu vệ sinh học sinh: nam, nữ riêng biệt, vị trí thuận tiện	200m ²	0,16m ² /HS	02 khu, 0,06m ² /HS	Mức độ 2
7	Cổng trường kiên cố, vững chắc; hàng rào ngăn cách với bên ngoài đảm bảo vững chắc, an toàn				Đạt
V	Khu sân chơi, thể dục thể thao				
1	Có sân chung để tổ chức các hoạt động toàn trường, bằng phẳng, có cây xanh bóng mát	7000m ²	5,6m ² /HS	1,5m ² /HS	Mức độ 2
2	Sân thể dục thể thao đảm bảo an toàn, có dụng cụ, thiết bị vận động cho học sinh	4000m ²	3.2m ² /HS	0,35m ² /HS	Mức độ 2
VI	Khối phục vụ sinh hoạt				
1	Nhà bếp				
2	Kho bếp				
3	Nhà ăn				
4	Nhà ở nội trú học sinh				
5	Phòng Quản lý học sinh				

6	Phòng sinh hoạt chung				
VII	Hạ tầng kỹ thuật				
1	Hệ thống cấp nước sạch	Nước sạch	-	Đạt chuẩn	Đạt
2	Hệ thống cấp điện	Điện lưới	-	Đủ công suất, an toàn	Đạt
3	Hệ thống phòng cháy, chữa cháy	Có	-	Đảm bảo quy định	Đạt
4	Hạ tầng công nghệ thông tin, liên lạc, điện thoại; Kết nối internet	Có	-	Đảm bảo phục vụ các hoạt động	Đạt
5	Khu thu gom rác thải	Thùng chứa	-	Bố trí độc lập, lối ra vào riêng; Có khu thu gom hóa chất độc hại, thí nghiệm	Đạt
VIII	Hạng công trình				
1	Kiên cố	86%	-	>60%	Đạt
2	Bán kiên cố	14%	-	<40%	Đạt
IX	Thiết bị dạy học				
1	Số bộ thiết bị dạy học tối thiểu theo quy định của Bộ GD&ĐT	Tổng hiện có (bộ)		Tối thiểu (bộ)	Chưa đạt
	- Môn Ngữ văn	1		11	Chưa đạt
	- Môn Toán	1		11	Chưa đạt
	- Môn Ngoại ngữ	1		1	Chưa đạt
	- Môn GDTC	1		1	Chưa đạt
	- Môn Lịch sử	1		6	Chưa đạt
	- Môn Địa lí	1		4	Chưa đạt
	- Môn GDKTPL	1		3	Chưa đạt
	- Môn Vật lí	1		7	Chưa đạt
	- Môn Hóa học	1		7	Chưa đạt
	- Môn Sinh học	1		7	Chưa đạt
	- Môn Công nghệ (CN)	1		4	Chưa đạt
	- Môn Công nghệ (NN)	1		4	Chưa đạt
	- Môn Tin học	1		1	Chưa đạt
	- Môn Âm nhạc			0	Chưa đạt
	- Môn Mỹ thuật			1	Chưa đạt
	- HĐ TN, HN			6	Chưa đạt
	- Thiết bị dùng chung	1		1	Chưa đạt
2	Các phòng học bộ môn được trang bị đầy đủ bàn ghế, tủ, giá, kệ, hệ thống điện nước, hệ thống quạt, thông gió, thiết bị dạy học, thiết bị hỗ trợ, học liệu	Có			Chưa đạt

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC (Nhà trường đang đánh giá ngoài)

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

1. Số liệu học sinh

1.1. Kết quả tuyển sinh

Năm học	Chỉ tiêu được giao	Số lượng trúng tuyển	Tỉ lệ trúng tuyển	Số lượng nhập học	Tỉ lệ nhập học
2024-2025	396	396	100%	396	100%
2025-2026	484	484	100%	484	100%

1.2. Số liệu học sinh chia theo khối lớp năm học 2024-2025

STT	Nội dung	Khối 10	Khối 11	Khối 12	Toàn trường
1	Số lớp	9	9	10	28
2	Số học sinh	377	383	389	1149
3	Số HS học lớp 2 buổi/ngày	-	-	-	-
4	Số học sinh nữ	233	217	216	666
5	Học sinh người DTTS	85	79	107	271
6	Học sinh khuyết tật	2	0	1	
7	Học sinh chuyển trường đi	4	3	1	8
8	Học sinh chuyển trường đến	2	5	1	8

2. Kết quả đánh giá học sinh năm học 2024-2025

2.1. Kết quả học tập

Khối	T. Số	Tốt		Khá		Đạt		Chưa đạt	
		T.số	%	T.số	%	T.số	%	T.số	%
Khối 10	377	44	11.7	216	57.3	117	31	0	0
Khối 11	383	84	21.9	196	51.2	103	26.9	0	0
Khối 12	389	101	26	253	65	35	9	0	0
Tổng	1149	229	19.9	665	57.9	255	22.2	0	0

2.2. Kết quả rèn luyện

Khối	T. Số	Tốt		Khá		Đạt		Chưa đạt	
		T.số	%	T.số	%	T.số	%	T.số	%
Khối 10	377	356	94.4	21	5.57	0	0	0	0
Khối 11	383	339	88.5	36	9.4	8	2.09	0	0
Khối 12	389	367	94.3	21	5.4	1	0.26	0	0
Tổng	1149	1062	92.4	78	6.79	9	0.78	0	0

2.3. Số học sinh được lên lớp, không được lên lớp

Khối	Tổng số HS	Số HS được lên lớp thẳng	Số HS được lên lớp sau kiểm tra lại	Số HS không được lên lớp
Khối 10	377	377		
Khối 11	383	383		
Tổng	760	760		

2.4. Số học sinh hoàn thành chương trình GDPT, TN THPT, trúng tuyển vào các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, các trường đại học

Khối	Tổng số học sinh	Số HS hoàn thành CT GDPT	Số HS TN THPT	Số HS trúng tuyển các cơ sở GD nghề nghiệp	Số HS trúng tuyển đại học
12	389	389	384	75	60

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

1. Tình hình tài chính của đơn vị

1.1. Các khoản thu năm 2024

ST T	Nội dung	Số tiền (đồng)	Ghi chú
1	Ngân sách nhà nước	22.406.000.000	
2	Học phí công lập	630.880.000	
3	Kinh phí tài trợ và hợp đồng bên ngoài	-	
4	Nguồn thu khác	251.720.000	

1.2. Các khoản chi năm 2024

STT	Nội dung	Số tiền (đồng)	Ghi chú
1	Chi lương và thu nhập	12.636.669.196	
2	Chi cơ sở vật chất và dịch vụ	6.547.128.713	
3	Chi hỗ trợ người học	3.327.970.000	
4	Chi khác	470.566.713	

2. Các khoản thu và mức thu đối với người học

STT	Nội dung	Năm học 2024-2025	Năm học 2025-2026	Ghi chú
1	Học phí công lập	50.000đ/tháng	Miễn	
2	Tiền học thêm	-Trước 14/02/2025: 7.000đ/tiết. - Sau 14/02/2025: Miễn.	Miễn	
3	Tiền trông coi phương tiện tham gia giao thông	- Xe đạp: 180.000đ/năm - Xe máy: 360.000đ/ năm	- Xe đạp: 180.000đ/năm - Xe máy: 360.000đ/năm	Thu đối với HS gửi xe tại nhà xe của nhà trường
4	Bảo hiểm y tế	- HS 10, 11: 631.800 đồng/học sinh/năm - HS 12: 473.850 đồng/học sinh/9 tháng	568.620 đồng/học sinh/năm	
5	Tiền hợp đồng thuê dọn vệ sinh nhà vệ sinh HS	80.000đ/HS/năm	80.000đ/HS/năm	Thỏa thuận với CMHS
6	Kinh phí hoạt động của BĐD hội CMHS	Tự nguyện	Không triển khai	
7	Nước uống	80.000đ/HS/năm	80.000đ/HS/năm	Thỏa thuận với CMHS

3. Kết quả thực hiện chính sách về trợ cấp và miễn giảm học phí, học bổng đối với người học

STT	Nội dung	Số tiền (đồng)	Ghi chú
1	Miễn, giảm học phí	169.700.000	
2	Học bổng	0	

3	Trợ cấp, chính sách hỗ trợ người học	3.158.270.000	
---	--------------------------------------	---------------	--

4. Số dư các quỹ theo quy định

STT	Nội dung	Số tiền (đồng)	Ghi chú
1	Nguồn kinh phí tự chủ (13)	52.715.427	
2	Nguồn kinh phí không tự chủ (12)	507.447.000	

VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC

1. Nhà trường đã tổ chức thực hiện có hiệu quả Chương trình giáo dục phổ thông 2018 đối với lớp 10, 11, 12; hoàn thành nội dung chương trình theo khung thời gian năm học.

2. Xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường, bố trí sử dụng hiệu quả đội ngũ giáo viên, cơ sở vật chất và thiết bị dạy học; tiếp tục đổi mới phương pháp dạy học, kiểm tra đánh giá theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực người học; triển khai có hiệu quả các hoạt động giáo dục trong nhà trường.

3. Có biện pháp nâng cao chất lượng giáo dục đại trà và giáo dục mũi nhọn; Thực hiện đồng bộ các giải pháp nâng cao chất lượng dạy học ngoại ngữ và phong trào học ngoại ngữ.

4. Tăng cường nền nếp, kỷ cương trường học; tiếp tục đẩy mạnh xây dựng văn hóa học đường, thực hiện tốt công tác phòng chống bạo lực học đường, tai nạn thương tích và đuối nước; chủ động phòng, chống và ứng phó với thiên tai, dịch bệnh.

5. Thực hiện công tác kiểm định chất lượng giáo dục; chú trọng công tác giáo dục dân tộc và giáo dục khuyết tật; đẩy mạnh hoạt động giáo dục hướng nghiệp, phân luồng học sinh và giáo dục khởi nghiệp trong nhà trường.

6. Thực hiện hiệu quả hoạt động bồi dưỡng để nâng cao năng lực nghề nghiệp cho đội ngũ cán bộ quản lý và giáo viên đáp ứng yêu cầu đổi mới; phát huy vai trò của lực lượng đội ngũ cốt cán trong các hoạt động chuyên môn.

7. Tiếp tục đổi mới công tác quản lý, quản trị trường học, nêu cao trách nhiệm của người đứng đầu trong thực hiện nhiệm vụ năm học, xây dựng các định hướng, quy định, kế hoạch và tổ chức hoạt động dạy học, giáo dục học sinh một cách linh hoạt, chủ động trên cơ sở tự chủ, có trách nhiệm giải trình.

8. Sử dụng có hiệu quả tài liệu, học liệu, thiết bị dạy học, thư viện trường học đáp ứng yêu cầu đổi mới dạy học và nâng cao chất lượng giáo dục; đẩy mạnh chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ thông tin vào quản lý và dạy học.

9. Triển khai và tổ chức, tham gia có hiệu quả các kỳ thi, cuộc thi; kịp thời nhân rộng những mô hình, điển hình tiên tiến trong quản lý, dạy học.

10. Huy động các nguồn lực trong và ngoài nhà trường; làm tốt công tác xã hội hóa giáo dục trong xây dựng cơ sở vật chất và thi đua, khen thưởng.

11. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát trong quá trình tổ chức thực hiện; thực hiện và quản lý chặt chẽ hoạt động dạy thêm, học thêm./.

Trên đây là báo cáo theo Thông tư 09/2024/BGD-ĐT của trường THPT Ea Súp.

HIỆU TRƯỞNG

Lê Quang Trường

